

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC  
KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lưu Bách Thảo	Chủ tịch
Ông Daniel Yet	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Thủy	Thành viên
Bà Lê Thị Lại	Thành viên
Bà Phùng Hoàng Trâm Anh	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lưu Bách Thảo	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Lại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Giàu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2010)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
**Lưu Bách Thảo**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2011





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.140.476.725.205</b>	<b>822.845.445.901</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>25.881.431.297</b>	<b>72.074.382.267</b>
1. Tiền	111		10.167.871.297	27.074.382.267
2. Các khoản tương đương tiền			15.713.560.000	45.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.820.000.000</b>	<b>4.784.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.160.000.000	11.960.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(8.340.000.000)	(7.176.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>782.407.674.121</b>	<b>390.880.099.691</b>
1. Phải thu khách hàng	131		554.582.563.023	265.598.957.822
2. Trả trước cho người bán	132		76.211.234.629	45.572.208.315
3. Các khoản phải thu khác	135		157.767.456.128	79.708.933.554
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.153.579.659)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>318.520.609.725</b>	<b>340.358.011.417</b>
1. Hàng tồn kho	141		318.520.609.725	340.358.011.417
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.847.010.062</b>	<b>14.748.952.526</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.739.365.646	7.812.572.365
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.133.501.217	3.249.693.990
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.974.143.199	3.686.686.171
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>230.778.645.928</b>	<b>266.242.771.796</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>193.090.387.657</b>	<b>184.217.391.661</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	147.094.927.422	116.420.370.010
- Nguyên giá	222		191.481.061.694	140.219.002.512
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.386.134.272)	(23.798.632.502)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>9</b>	13.190.872.208	22.357.008.230
- Nguyên giá	225		21.922.928.400	34.937.439.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.732.056.192)	(12.580.431.459)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>10</b>	26.916.558.669	20.430.032.141
- Nguyên giá	228		26.919.494.777	20.430.032.141
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.936.108)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>11</b>	5.888.029.358	25.009.981.280
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.400.000.000</b>	<b>64.291.543.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>12</b>	20.400.000.000	36.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>13</b>	-	39.340.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>13</b>	-	(11.048.457.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.288.258.271</b>	<b>17.733.837.135</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>14</b>	15.029.049.927	15.549.113.255
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>15</b>	673.383.344	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.585.825.000	2.184.723.880
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.371.255.371.133</b>	<b>1.089.088.217.697</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.014.434.381.779</b>	<b>910.821.878.200</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>993.761.910.082</b>	<b>896.459.481.218</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	792.456.557.193	687.243.749.873
2. Phải trả người bán	312		129.778.323.204	156.209.611.965
3. Người mua trả tiền trước	313		860.483.880	415.767.784
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	14.414.852.432	6.368.263.392
5. Phải trả người lao động	315		15.188.562.469	10.336.799.816
6. Chi phí phải trả	316		2.449.295.661	1.229.342.679
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		38.613.835.243	34.655.945.709
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.672.471.697</b>	<b>14.362.396.982</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	20.181.189.622	13.814.134.432
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		491.282.075	548.262.550
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>356.820.989.354</b>	<b>178.266.339.497</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>356.820.989.354</b>	<b>178.266.339.497</b>
1. Vốn điều lệ	411		225.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		75.000.000.000	12.500.038.413
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		381.298.636	381.298.636
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		56.439.690.718	65.385.002.448
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.371.255.371.133</b>	<b>1.089.088.217.697</b>



**Lưu Bạch Thảo**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

**Ngô Văn Thu**  
**Kế toán trưởng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Mẫu B 02-DN**

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu gộp	01		1.593.944.373.146	1.229.856.692.721
2. Các khoản giảm trừ	02		(8.230.230.373)	(8.662.575.151)
3. Doanh thu thuần	10		1.585.714.142.773	1.221.194.117.570
4. Giá vốn hàng bán	11		(1.273.695.249.837)	(990.798.267.791)
5. Lợi nhuận gộp	20		312.018.892.936	230.395.849.779
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	48.019.305.006	5.390.153.117
7. Chi phí tài chính	22	21	(121.882.560.092)	(34.760.013.129)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(49.674.891.376)	(21.051.918.361)
8. Chi phí bán hàng	24		(114.482.855.708)	(98.010.949.866)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(33.855.800.521)	(20.113.116.957)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		89.816.981.621	82.901.922.944
11. Thu nhập khác	31		9.611.201.197	13.549.189.289
12. Chi phí khác	32		(9.656.280.362)	(13.613.309.413)
13. Lỗ khác	40	22	(45.079.165)	(64.120.124)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		89.771.902.456	82.837.802.820
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	(9.455.595.082)	(7.964.155.191)
16. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	15	673.383.344	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		80.989.690.718	74.873.647.629
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>61</b>	<b>24</b>	<b>3.502</b>	<b>7.487</b>



Lưu Bách Thảo  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Ngô Văn Thu  
 Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MÃ B 03-DN**

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	89.771.902.456	82.837.802.820
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.742.062.611	13.035.218.338
Các khoản dự phòng	03	(3.730.877.341)	8.864.457.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.474.018.017)	(127.088.045)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.274.239.797)	(1.615.843.065)
Chi phí lãi vay	06	49.674.891.376	21.051.918.361
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	148.709.721.288	124.046.465.409
Tăng các khoản phải thu	09	(401.930.961.835)	(197.830.513.224)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	21.837.401.692	(132.299.775.749)
Tăng các khoản phải trả	11	(17.616.485.856)	64.723.275.938
Tăng chi phí trả trước	12	3.593.270.047	(9.067.783.148)
Tiền lãi vay đã trả	13	(47.793.555.715)	(21.051.918.361)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.248.811.330)	(1.974.569.176)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.055.423.209
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(294.449.421.709)</b>	<b>(169.399.395.102)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(25.541.304.342)	(27.228.496.464)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.420.178.577
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	-	(18.100.500.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	55.740.000.000	
5. Thu lãi tiền gửi	27	754.142.604	1.616.270.763
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>30.952.838.262</b>	<b>(40.292.547.124)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Vốn góp của các cổ đông	31	105.000.000.000	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.508.604.572.569	2.193.096.825.694
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.388.329.605.352)	(1.896.281.451.448)
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	(6.522.657.407)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(7.435.040.861)	(9.999.996.308)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>217.839.926.356</b>	<b>280.292.720.531</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(45.656.657.091)</b>	<b>70.600.778.305</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>72.074.382.267</b>	<b>1.762.868.405</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(536.293.879)</b>	<b>(289.264.443)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>25.881.431.297</b>	<b>72.074.382.267</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu vốn góp của các cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 95 tỷ đồng là khoản vốn góp từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và thặng dư vốn cổ phần với số tiền lần lượt là 82,5 tỷ đồng và 12,5 tỷ đồng. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được trình bày trong báo cáo trên.



**Lưu Bạch Thảo**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

**Ngô Văn Thu**  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Việt An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000060 ngày 27 tháng 1 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Việt An, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000307 ngày 22 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2010 với mã chứng khoán là AVF.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.460 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.413 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là chế biến các sản phẩm thủy sản với sản phẩm chính là cá tra fi lê.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	10

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

vay (xem trình bày dưới đây). Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài được trình bày theo nguyên giá. Công ty không tính khấu hao quyền sử dụng đất lâu dài.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ quyền kiểm soát trên 50%.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) – Chênh lệch tỷ giá hối đoái. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế được phân phối cho các cổ đông sau khi đã được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên và sau khi trích lập quỹ dự trữ theo điều lệ của Công ty

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	6.942.729.982	12.603.463.666
Tiền gửi ngân hàng	3.225.141.315	14.470.918.601
Các khoản tương đương tiền	15.713.560.000	45.000.000.000
	<b><u>25.881.431.297</u></b>	<b><u>72.074.382.267</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi Đồng Việt Nam có kỳ hạn với thời gian đáo hạn là 3 tháng và lãi suất hàng năm được hưởng từ 11% đến 12% cho đồng Việt Nam.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chứng khoán niêm yết	11.160.000.000	11.160.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết	-	800.000.000
	<b><u>11.160.000.000</u></b>	<b><u>11.960.000.000</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.340.000.000)	(7.176.000.000)
	<b><u>2.820.000.000</u></b>	<b><u>4.784.000.000</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	1.163.010.218	1.256.950.584
Công cụ, dụng cụ	20.835.878.322	7.181.719.109
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.491.217.724	37.669.275.845
Thành phẩm	232.804.729.038	289.684.223.816
Hàng hóa	732.196.723	732.196.723
Hàng gửi đi bán	9.493.577.700	3.833.645.340
	<b><u>318.520.609.725</u></b>	<b><u>340.358.011.417</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, một phần hàng tồn kho đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2010	68.915.001.442	60.468.144.414	4.800.095.907	6.035.760.749	140.219.002.512
Tăng	-	6.943.594.002	289.681.718	2.545.000.000	9.778.275.720
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.252.269.376	20.217.002.797	-	-	28.469.272.173
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	13.014.511.289	-	-	13.014.511.289
Tại ngày 31/12/2010	<u>77.167.270.818</u>	<u>100.643.252.502</u>	<u>5.089.777.625</u>	<u>8.580.760.749</u>	<u>191.481.061.694</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2010	(9.028.480.766)	(11.226.872.724)	(1.640.540.707)	(1.902.738.305)	(23.798.632.502)
Khấu hao trong năm	(3.761.411.062)	(7.935.098.221)	(236.342.492)	(1.857.597.225)	(13.790.449.000)
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	(6.886.990.570)	-	-	(6.886.990.570)
Điều chỉnh	-	-	89.937.800	-	89.937.800
Tại ngày 31/12/2010	<u>(12.789.891.828)</u>	<u>(26.048.961.515)</u>	<u>(1.786.945.399)</u>	<u>(3.760.335.530)</u>	<u>(44.386.134.272)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2010	<u>64.377.378.990</u>	<u>74.594.290.987</u>	<u>3.302.832.226</u>	<u>4.820.425.219</u>	<u>147.094.927.422</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>59.886.520.676</u>	<u>49.241.271.690</u>	<u>3.159.555.200</u>	<u>4.133.022.444</u>	<u>116.420.370.010</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 142.792.095.196 đồng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2010	33.791.208.413	1.146.231.276	34.937.439.689
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.014.511.289)	-	(13.014.511.289)
Tại ngày 31/12/2010	<u>20.776.697.124</u>	<u>1.146.231.276</u>	<u>21.922.928.400</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2010	(12.409.737.100)	(170.694.359)	(12.580.431.459)
Khấu hao trong năm	(2.847.576.767)	(191.038.536)	(3.038.615.303)
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	6.886.990.570	-	6.886.990.570
Tại ngày 31/12/2010	<u>(8.370.323.297)</u>	<u>(361.732.895)</u>	<u>(8.732.056.192)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2010	<u>12.406.373.827</u>	<u>784.498.381</u>	<u>13.190.872.208</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>21.381.471.313</u>	<u>975.536.917</u>	<u>22.357.008.230</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm kế toán VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2010	-	20.430.032.141	20.430.032.141
Tăng	15.100.000	6.474.362.636	6.489.462.636
Tại ngày 31/12/2010	<u>15.100.000</u>	<u>26.904.394.777</u>	<u>26.919.494.777</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2010	-	-	-
Khấu hao trong năm	(2.936.108)	-	(2.936.108)
Tại ngày 31/12/2010	<u>(2.936.108)</u>	<u>-</u>	<u>(2.936.108)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2010	<u><b>12.163.892</b></u>	<u><b>26.904.394.777</b></u>	<u><b>26.916.558.669</b></u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>-</u>	<u><b>20.430.032.141</b></u>	<u><b>20.430.032.141</b></u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất làm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	25.009.981.280	22.542.352.127
Tăng	18.096.223.540	25.379.333.408
Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình	(28.469.272.173)	(17.861.794.256)
Kết chuyển vào tài sản cố định thuê tài chính	-	(1.146.231.276)
Kết chuyển vào tài sản cố định vô hình	(6.474.362.636)	-
Kết chuyển vào chi phí trả trước ngắn hạn	(1.081.943.563)	(3.903.678.723)
Kết chuyển vào công cụ dụng cụ	(1.192.597.090)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u><b>5.888.029.358</b></u>	<u><b>25.009.981.280</b></u>

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anpha - Ag	Long An	51	51	Kinh doanh kho lạnh

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Anpha - Ag. ("Công ty con"), một công ty cổ phần ở tỉnh Long An với vốn góp là 20.400.000.000 chiếm tỉ lệ 51% (năm 2009: 36.000.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 90%) quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con. Khoản đầu tư này được ghi nhận trên báo cáo tài chính sử dụng phương pháp giá gốc. Công ty con hiện đã hoàn tất xây dựng cơ bản và đi vào hoạt động chính thức vào tháng 11 năm 2010.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu AFASCO (“Công ty liên kết”) ở tỉnh An Giang với vốn góp là 39.340.000.000 đồng, chiếm 48% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty liên kết. Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư này.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2010 <u>VND</u>	2009 <u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1	15.549.113.255	8.172.408.698
Tăng	9.104.608.971	17.713.002.155
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	682.098.702	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	<u>(10.306.771.001)</u>	<u>(10.336.297.598)</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>15.029.049.927</u></b>	<b><u>15.549.113.255</u></b>

**15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>
Tại ngày 1/1/2010	-
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	673.383.344
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b><u>673.383.344</u></b>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010 <u>VND</u>	31/12/2009 <u>VND</u>
Vay ngắn hạn	775.524.576.754	676.038.734.933
Vay dài hạn đến hạn trả	10.594.800.421	4.129.454.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	6.337.180.018	7.075.560.940
	<b><u>792.456.557.193</u></b>	<b><u>687.243.749.873</u></b>

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản tín dụng ngắn hạn bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất vay được các ngân hàng công bố theo từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu hồi nợ của các bộ chứng từ xuất khẩu, tài sản cố định, quyền sử dụng đất của Công ty và các tài sản cá nhân của ông Lưu Bách Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 <u>VND</u>	31/12/2009 <u>VND</u>
Thuế xuất nhập khẩu	-	316.119.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.196.369.767	5.989.586.015
Các loại thuế khác	218.482.665	62.557.483
	<b><u>14.414.852.432</u></b>	<b><u>6.368.263.392</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay dài hạn	26.888.550.621	9.013.689.621
Nợ thuê tài chính dài hạn	10.224.619.440	16.005.459.751
	<b>37.113.170.061</b>	<b>25.019.149.372</b>
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(10.594.800.421)	(4.129.454.000)
Nợ dài hạn đến hạn trả	(6.337.180.018)	(7.075.560.940)
	<b>20.181.189.622</b>	<b>13.814.134.432</b>

Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm như sau:

Vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam gồm hai khoản vay có tổng hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng từ 0,95% đến 1% và được đảm bảo bằng chính nhà xưởng và máy móc hình thành từ các khoản vay này. Các khoản vay này được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 6 năm 2011.

Vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng cho việc mua xe tải đông lạnh vận chuyển hàng hóa. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng 1,5% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả 6 tháng một lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty còn vay từ ông Trần Thanh Nguyên, một bên thứ ba, với số tiền 3.000.000.000 đồng với lãi suất lãi tiền vay một năm là 16,8%. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này không có bảo đảm và được hoàn trả trong vòng 2 năm kể từ ngày vay đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	10.594.800.421	4.129.454.000
Trong năm thứ hai	13.192.954.000	4.884.235.621
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.100.796.200	-
	<b>26.888.550.621</b>	<b>9.013.689.621</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(10.594.800.421)	(4.129.454.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>16.293.750.200</b>	<b>4.884.235.621</b>

Công ty cũng đã ký hợp đồng thuê tài chính dài hạn với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê một số phương tiện vận tải. Thời hạn thuê của các hợp đồng thông thường là sáu mươi (60) tháng. Các khoản thuê này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,37%. Tiền nợ được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Các khoản nợ thuê tài chính bằng đồng Việt Nam. Tài sản thuê tài chính được Công ty dùng để đảm bảo cho khoản nợ vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản nợ dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê		Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê hiện tại	
	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	6.896.841.278	7.398.774.878	6.337.180.018	7.075.560.940
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.282.928.493	9.507.331.538	3.887.439.422	8.929.898.811
	<b>11.179.769.771</b>	<b>16.906.106.416</b>	<b>10.224.619.440</b>	<b>16.005.459.751</b>
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(955.150.345)	(900.646.665)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	10.224.619.426	16.005.459.751	10.224.619.440	16.005.459.751
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)			(6.337.180.018)	(7.075.560.940)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>			<b>3.887.439.422</b>	<b>8.929.898.811</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	22.500.000	15.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	22.500.000	10.000.000
Mệnh giá (VNĐ)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ tương ứng cùng tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông lớn như sau.

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ				Vốn đã góp	
	31/12/2010 Cổ phiếu	%	31/12/2009 Cổ phiếu	%	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ông Lưu Bách Thảo	3.000.000	13,33	5.480.000	54,80	30.000.000.000	54.800.000.000
Ông Daniel Yet	2.400.000	10,67	2.400.000	24,00	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.879.970	8,36	-	-	18.799.700.000	-
	<b>7.279.970</b>	<b>32,36</b>	<b>7.800.000</b>	<b>74,80</b>	<b>72.799.700.000</b>	<b>78.800.000.000</b>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại 1/1/2009	100.000.000.000	12.500.038.413	381.298.636	511.351.127	113.392.688.176
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	74.873.647.629	74.873.647.629
Cổ tức đã chia	-	-	-	(9.999.996.308)	(9.999.996.308)
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>12.500.038.413</b>	<b>381.298.636</b>	<b>65.385.002.448</b>	<b>178.266.339.497</b>
Vốn góp từ cổ tức và thặng dư vốn cổ phần	95.000.000.000	(12.500.038.413)	-	(82.499.961.587)	-
Vốn góp bằng tiền	30.000.000.000	75.000.000.000	-	-	105.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	80.989.690.718	80.989.690.718
Cổ tức đã chia	-	-	-	(7.435.040.861)	(7.435.040.861)
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>381.298.636</b>	<b>56.439.690.718</b>	<b>356.820.989.354</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên  
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2009 cho các cổ đông hiện hữu với số tiền là 7.499.961.587 đồng bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và 7.435.040.861 bằng tiền mặt (năm 2009: 9.999.996.308 đồng bằng tiền mặt) từ lợi nhuận chưa phân phối. Ngoài ra, Công ty cũng kết chuyển phần thặng dư vốn cổ phần 12.500.038.413 đồng để tăng vốn, do đó vốn điều lệ của Công ty tăng tương ứng từ 100 tỷ lên 120 tỷ.

Trong năm, Công ty đã phát hành 3.000.000 cổ phần cho cổ đông bên ngoài với giá bán bình quân là 35.000 đồng một cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 120 tỷ lên 150 tỷ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 5 tháng 12 năm 2009.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 8 năm 2010 và theo Quyết định 06/2010/QĐ-HDQT Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành thêm 7.500.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu để chi trả cổ tức bổ sung năm 2009 với số tiền là 50 tỷ đồng và tạm ứng cổ tức năm 2010 với số tiền là 25 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ của Công ty 150 tỷ lên 225 tỷ.

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	1.274.239.797	1.616.270.763
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.210.390.192	3.773.882.354
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.474.018.017	-
Lãi khác	12.060.657.000	-
	<u><b>48.019.305.006</b></u>	<u><b>5.390.153.117</b></u>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	49.674.891.376	21.051.918.361
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.227.668.716	4.716.549.723
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.980.000.000	8.864.457.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	127.088.045
	<u><b>121.882.560.092</b></u>	<u><b>34.760.013.129</b></u>

**22. LỖ KHÁC**

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	40.753.800	3.276.190.477
Bán bao bì và dụng cụ	8.822.899.747	8.948.504.439
Các khoản thu nhập khác	747.547.650	1.324.494.373
<b>Thu nhập khác</b>	<u><b>9.611.201.197</b></u>	<u><b>13.549.189.289</b></u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(40.753.800)	(3.276.618.175)
Giá vốn bao bì và dụng cụ	(8.784.553.485)	(8.936.768.229)
Các khoản chi phí khác	(830.973.077)	(1.399.923.009)
<b>Chi phí khác</b>	<u><b>(9.656.280.362)</b></u>	<u><b>(13.613.309.413)</b></u>
<b>Lỗ khác</b>	<u><b>(45.079.165)</b></u>	<u><b>(64.120.124)</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên  
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	89.771.902.456	82.837.802.820
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.087.405.245)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.082.711.355	4.177.972.248
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>94.767.208.566</b>	<b>87.015.775.068</b>
<i>Trong đó: Thu nhập chịu thuế của hoạt động chính</i>	<i>86.070.557.106</i>	<i>87.015.775.068</i>
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác</i>	<i>8.696.651.460</i>	<i>87.015.775.068</i>
Thuế suất áp dụng cho hoạt động chính	10%	10%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.781.218.576	8.701.577.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.325.623.494)	(2.711.991.492)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	-	1.974.569.176
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>9.455.595.082</b>	<b>7.964.155.191</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ ngày đăng ký kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2006 và 2007 là hai năm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp) và được giảm 50% cho 5 năm tiếp theo (bắt đầu từ năm 2008). Ngoài ra, Công ty còn được giảm 20% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập chịu thuế từ hoạt động xuất khẩu có doanh thu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	80.989.690.718	74.873.647.629
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.474.018.017)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(673.383.344)	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>77.842.289.357</b>	<b>74.873.647.629</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	22.228.767	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.502</b>	<b>7.487</b>

**25. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty có các cam kết thuế hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	46.801.584	39.001.320
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	140.404.752	140.404.752
Sau năm năm	1.973.466.792	2.160.673.128
	<b>2.160.673.128</b>	<b>2.340.079.200</b>

Thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang trong 50 năm tính từ tháng 3 năm 2005. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 6 năm kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2005.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN**

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên  
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>Mua hàng</b>		
Công ty liên kết	-	171.750.720.983
<b>Các nghiệp vụ khác</b>		
Góp vốn vào Công ty con	-	9.600.000.000
Rút vốn khỏi Công ty con	15.600.000.00	
Tạm ứng cho Công ty con	78.591.208.921	48.294.210.817
Góp vốn vào Công ty liên kết	-	39.340.000.000
Rút vốn từ Công ty liên kết	39.340.000.000	-
Hoàn trả tiền vay cho các cổ đông chính	-	55.570.820.000

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lương và thưởng	1.113.982.829	1.064.317.846

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty con	126.885.419.738	48.294.210.817
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty liên kết	-	36.388.904.586
Công ty con	-	771.955.154



**Lưu Bách Thảo**  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2011

**Ngô Văn Thu**  
**Kế toán trưởng**